TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu;

2. Ông Lương Trường Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thuý Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 20230 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Đức C, địa chỉ: Tổ 07, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị M, địa chỉ: Tổ 07, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Đức C trình bày: Ông và bà Đỗ Thị M chung sống với nhau từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, nhưng đến nay vẫn không đăng

ký kết hôn. Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không ai tôn trọng ai, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng chung sống với nhau vì con cái nhưng vẫn không thể chung sống được nữa.

Nay ông C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được. Vì vậy ông đề nghị Tòa án xét xử tuyên bố ông và bà M không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Đức C1, sinh năm 1995, đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không yêu cầu giải quyết. Tại phiên Toà ông C trình bày anh C1 không phải là con đẻ của ông, là con riêng của bà M, vì ông bị vô sinh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị M trình bày: Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu tự nguyện, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay, bà M và ông C đã sống ly thân. Tuy nhiên, bà không đồng ý yêu cầu công nhận bà và ông C không phải là vợ chồng vì chưa giải quyết được về tài sản chung, hiện nay bà đã già yếu, nếu không giải quyết vấn đề tài sản chung thì sau khi giải quyết yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Đức C1 đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bản tự khai ngày 08-6-2023, bà M không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, ngày 13-6-2023 bà có Đơn đề nghị (Về việc không chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng) để bà và ông C giải quyết về tài sản. Biên bản lấy lời khai bà Đỗ Thị M ngày 03-7-2023, Toà án đã hướng dẫn bà làm đơn yêu cầu phản tố để Toà án giải quyết về tài sản nhưng bà không thực hiện. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải bà M yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống với nhau như vợ chồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự: Đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức C; tuyên bố không công nhận ông Lê Đức C và bà Đỗ Thị M là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Đức C1, sinh năm 1995 đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn có đơn trình bày và đã được Tòa án hướng dẫn về việc làm đơn yêu cầu phản tố về nội dung chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng không thực hiện, do đó đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng, có 01 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố 7, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "Không công nhận quan hệ vợ chồng"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Đức C và bà Đỗ Thị M đều thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp xác định được thời điểm ông C và bà M chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông C và bà M cùng sinh sống tại tổ dân phố 7, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ vào công văn số: 125/UBND-TP ngày 23-6-2023 của UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông và công văn số: 96/TP ngày 24-7-2023 của Uỷ ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đăk Nông đều xác định, từ trước đến nay không có ai là Lê Đức C và Đỗ Thị M thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với

nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Như vậy, việc ông C và bà M chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng của ông C.

[2.2] Về con chung: Tại phiên toà ông Lê Đức C trình bày: Ông C trình bày ông bị vô sinh nên anh Lê Đức C1 không phải là con đẻ của ông, bà M có con với người đàn ông khác trong thời gian chung sống với ông. Nhưng ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông vô sinh hay anh C1 không phải là con đẻ của ông.

Theo Điều 88 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 việc xác định cha mẹ cho con dựa trên nguyên tắc sau: "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng".

Như vậy anh Lê Đức C1 sinh ra trong thười kỳ hôn nhân nên là con chung của ông C và bà M. Anh C đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên toà án không giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn bà Đỗ Thị M có đơn trình bày về việc yêu cầu giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống và tại biên bản làm việc ngày 03-7-2023, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã giải thích cho bà về việc nếu có yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bà phải làm đơn yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà M không thực hiện. Đồng thời tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 29-8-2023, bà M tiếp tục đề nghị giải quyết vấn đề tài sản trong vụ án này, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điêu 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không chấp nhận thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lê Đức C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đức C và bà Đỗ Thị M có quyền kháng

cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức Ch. Không công nhận ông Lê Đức C và bà Đỗ Thị M là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Lê Đức C phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008715 ngày 17-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: - -
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc